

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu PVCOM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 26
Báo cáo Giám sát của Ngân hàng Giám sát	27
Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính	28 - 29
Báo cáo thu nhập	30
Báo cáo tình hình tài chính	30 - 31
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	32
Báo cáo danh mục đầu tư	33
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	34 - 35
Thuyết minh báo cáo tài chính	36 - 71

1802
CÔNG
TINH
T &
LIỆT
HI NH
HÀ
KIỂM



Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (“Quỹ”) được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 78/GCN-UBCK ngày 24 tháng 09 năm 2019. Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 112.749.259.900 VND, tương đương với 11.274.925,99 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ hướng tới việc bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo từng thời điểm phụ thuộc vào điều kiện thị trường và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10 tháng 08 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quang Vinh – chức danh: Giám đốc.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Kiều Phương Khoan	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Phạm Thiên Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Kiều Phương Khoan
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

8 - C
NG T
PH
ÁN L
GÂN
MẠI
CH
ỆTN
DA -

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (PVBF)

b) Loại hình quỹ: Quỹ mở

c) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết, trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

d) Thời hạn hoạt động của quỹ: Không giới hạn

e) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Không có

f) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

g) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 11.274.925,99 chứng chỉ quỹ

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm:

Theo Thông báo số 238/QLQ-PTKD của PVCB Capital gửi UBCK ngày 07 tháng 05 năm 2021 về việc sửa đổi Điều lệ Quỹ PVBF, các nội dung sửa đổi bao gồm:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý</p> <p>1. Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");</p> <p>2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;</p>	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý</p> <p>1. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");</p> <p>2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;</p> <p>3. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p>	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>3. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;</p> <p>4. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>5. Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>6. Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;</p> <p>7. Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>8. Thông tư số 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 19 tháng 1 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>9. Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2017 sửa đổi một số điều Thông tư số 11/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>10. Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;</p>	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>4. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</p> <p>7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;</p> <p>8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;</p> <p>9. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>10. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;</p> <p>11. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;</p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>11. Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;</p> <p>12. Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;</p> <p>13. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;</p> <p>14. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;</p> <p>15. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>16. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;</p> <p>17. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</p> <p>18. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;</p> <p>19. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p>	<p>Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo)</p> <p>13. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;</p> <p>14. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>15. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;</p> <p>16. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Phần I: Căn cứ pháp lý (tiếp theo) 20. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; 21. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.		Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định
2	Phần II: Các định nghĩa “Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom” Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là Luật số 70) và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 (sau đây gọi là Luật số 62), các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ	Phần II: Các định nghĩa “Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom” Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định
3	“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB Capital” Là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 78/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 27/09/2018. Công ty PVCB Capital được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.	“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB Capital” Là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020. Công ty PVCB Capital được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.	Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Công ty quản lý quỹ
4	“Ngân hàng Giám sát” Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV Hà Thành), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ:...	“Ngân hàng Giám sát” Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV Hà Thành), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười hai (12) ngày 16/06/2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ:...	Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Ngân hàng giám sát

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
5	"Người có liên quan" Là những người được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.	"Người có liên quan" Là những người được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019.	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Luật hiện hành quy định
6	Điều 9. Mục tiêu đầu tư của Quỹ Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa lợi nhuận trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.	Điều 9. Mục tiêu đầu tư của Quỹ Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa lợi nhuận trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết, trái phiếu phát hành riêng lẻ của doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.	Cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi và điều chỉnh theo Thông tư 98/2020/TT-BTC và theo tình hình hoạt động của Quỹ
7	1. Chiến lược đầu tư Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn, tăng trưởng bền vững nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục bao gồm các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành.	1. Chiến lược đầu tư Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn, tăng trưởng bền vững nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục bao gồm các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.	Bỏ cụm từ "trái phiếu doanh nghiệp chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng" và bổ sung "cam kết mua lại của TCPH tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành" phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ hiện tại và theo quy định của Luật hiện hành. Cập nhật và điều chỉnh theo mục đ, Khoản 2, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
8	<p>2. Danh mục đầu tư của Quỹ</p> <p>Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <p>a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</p> <p>b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính và các công cụ có thu nhập cố định khác;</p> <p>d) Trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;</p> <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;</p> <p>g) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p>	<p>2. Danh mục đầu tư của Quỹ</p> <p>Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <p>a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;</p> <p>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;</p> <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
9	<p>Hạn chế đầu tư Khoản 2, Điều 11</p> <p>2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;</p>	<p>Hạn chế đầu tư Khoản 2, Điều 11</p> <p>2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 10 Điều lệ này, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2,3,4,5, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p> <p>Cập nhật và bổ sung đánh số thứ tự các khoản mục hạn chế đầu tư</p>
10	<p>Mục c, Khoản 2, Điều 11</p> <p>c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 2 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Mục c, Khoản 2, Điều 11</p> <p>c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 2 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo mục d, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
11	<p>Mục f, Khoản 2, Điều 11</p> <p>f) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;</p>	<p>Mục f, Khoản 2, Điều 11</p> <p>f) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo mục h, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
12	Mục g, Khoản 2, Điều 11 Trống	Mục g, Khoản 2, Điều 11 g) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau: <ul style="list-style-type: none">• Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;• Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;• Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;	Bổ sung mục g), Cập nhật và điều chỉnh theo mục i), Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC
13	Mục j, Khoản 2, Điều 11 i) Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 phải đáp ứng điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none">- Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;- Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.	Mục j, Khoản 2, Điều 11 j) Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 phải đáp ứng điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none">- Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 3, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC Cập nhật và bổ sung đánh số thứ tự các khoản mục hạn chế đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
14	<p>Khoản 3, Điều 11</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</p> <p>a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;</p> <p>b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;</p> <p>c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;</p> <p>d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;</p> <p>e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;</p> <p>f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.</p>	<p>Khoản 3, Điều 11</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, h Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</p> <p>a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;</p> <p>b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;</p> <p>c) Hoạt động chia, tách hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;</p> <p>d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;</p> <p>e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.</p>	<p>Cập nhật lại cách đánh số thứ tự và điều chỉnh theo mục d, Khoản 5, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
15	<p>Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3, Điều 14</p> <p>3. Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.</p>	<p>Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3, Điều 14</p> <p>3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.</p>	<p>Bổ sung "Công Ty Quản Lý Quỹ" phù hợp với nội dung về Người có liên quan theo Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
16	<p>Tần suất giao dịch của Quỹ</p> <p>Khoản 1b, Điều 17</p> <p>b) Tần suất giao dịch của Quỹ:</p> <p>- Chứng chỉ Quỹ được giao dịch 1 lần/tuần vào thứ Tư hàng tuần.</p> <p>- Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</p>	<p>Tần suất giao dịch của Quỹ</p> <p>Khoản 1b, Điều 17</p> <p>b) Tần suất giao dịch của Quỹ:</p> <p>- Chứng chỉ Quỹ được giao dịch 2 lần/tuần vào thứ Ba và thứ Năm hàng tuần.</p> <p>- Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Ban đại diện quỹ thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</p>	<p>Tăng tần suất giao dịch của Quỹ để tăng tính thanh khoản và tiện lợi cho các Nhà Đầu tư tham gia vào Quỹ.</p> <p>Ban Đại diện quỹ thông qua thay đổi tăng/giảm tần suất giao dịch của Quỹ thay vì thông qua Đại hội Nhà đầu tư gần nhất</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
17	<p>Mua lại một phần, tạm ngưng giao dịch CCQ</p> <p>Mục b, Khoản 1, Điều 18</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc</p>	<p>Mua lại một phần, tạm ngưng giao dịch CCQ</p> <p>Mục b, Khoản 1, Điều 18</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc- Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc- Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc- Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 1, Điều 33, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
18	<p>Khoản 2, Điều 18</p> <p>2. Trong trường hợp lệnh bán, lệnh chuyển đổi chỉ được đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ.</p> <p>a) Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.</p> <p>b) Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.</p>	<p>Khoản 2, Điều 18</p> <p>2. Trong trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi chỉ được đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo nguyên tắc như sau:</p> <p>a) Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước;</p> <p>b) Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 33, Thông tư 98/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung Nguyên tắc phân phối CCQ ưu tiên về thời gian khi thực hiện lệnh.</p>
19	<p>Khoản 9, Điều 19</p> <p>9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Khoản 9, Điều 19</p> <p>9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 5, Điều 34, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
20	<p>Khoản 3, Điều 21</p> <p>3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban đại diện phê duyệt.</p>	<p>Khoản 3, Điều 21</p> <p>3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất và được Ban đại diện phê duyệt.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 2, Điều 17, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
21	<p>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;</p> <p>2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>3. Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;</p>	<p>Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;</p> <p>2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>3. Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Mục c, Khoản 1, Điều 17, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
22	<p>Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.</p> <p>2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành</p>	<p>Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>1. Chương trình và nội dung dự kiến và các tài liệu liên quan của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.</p> <p>2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 4, Điều 17, TT98 và Khoản 1, Điều 18, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
23	<p>Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3 và 4</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.</p> <p>4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.</p>	<p>Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư</p> <p>Khoản 3 và 4</p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.</p> <p>4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 5 và Khoản 7, Điều 18, Thông tư 98/2020/TT-BTC
24	<p>Khoản 5, Điều 25</p> <p>5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:</p> <p>a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.</p>	<p>Khoản 5, Điều 25</p> <p>5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:</p> <p>a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;</p> <p>b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo mục c, Khoản 1, Điều 17 và Khoản 4, Điều 8, Thông tư 98/2020/TT-BTC
25	<p>Khoản 6, Điều 25</p> <p>6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.</p>	<p>Khoản 6, Điều 25</p> <p>6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 8, Điều 18, Thông tư 98/2020/TT-BTC
26	<p>Khoản 4, Điều 29</p> <p>4. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền.</p>	<p>Khoản 4, Điều 29</p> <p>4. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Thông tư 98/2020/TT-BTC (Ban đại diện Quỹ được phép thông qua phương án giải thể quỹ nhưng phải được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền)

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
27	Khoản 6, Điều 29 6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phải gửi UBCKNN, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Khoản 6, Điều 29 6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, gửi Ngân hàng Giám sát biên bản họp và Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Cập nhật phù hợp với tình hình vận hành hoạt động của Quỹ
28	Khoản 2, Điều 31 2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.	Khoản 2, Điều 31 2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.	Cập nhật và điều chỉnh theo Phụ lục I, Khoản 2, Điều 38, Thông tư 98/2020/TT-BTC
29	Khoản 4, Điều 33 4. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên. Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập thông qua.	Khoản 4, Điều 33 4. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 10, Điều 19, Thông tư 98/2020/TT-BTC
30	Khoản 1, Điều 37 1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng giám sát. Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, chủ tịch HĐQT, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại	Khoản 1, Điều 37 1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát. Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, chủ tịch HĐQT, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.	Bổ sung "hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát"; Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
31	Khoản 2, Điều 37 2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư quyết định khác, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ này.	Khoản 2, Điều 37 2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư quyết định khác Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ này.	Bổ sung "Công Ty Quản lý Quỹ" Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ
32	Mục b), Khoản 3, Điều 37 b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).	Mục b), Khoản 3, Điều 37 b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.	Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ Bỏ "phí giao dịch", "các điều kiện khác (nếu có)"
33	Khoản 2, Điều 38 2. Không được là người có liên quan với Công Ty Quản Lý Quỹ	Khoản 2, Điều 38 2. Không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ;	Cập nhật và điều chỉnh phù hợp với hoạt động Quỹ.
34	Khoản 1 và 2, Điều 42 1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu Ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:.... 2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu Ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:....	Khoản 1 và 2, Điều 42 1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:.... 2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:....	Cập nhật và điều chỉnh tên gọi phù hợp với hoạt động Quỹ và Ngân hàng Giám sát
35	Khoản 1, Điều 47 1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với UBCKNN;	Khoản 1, Điều 47 1. Là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ đồng, quỹ mở, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng với Công Ty Quản lý Quỹ;	Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 1, Điều 76, Thông tư 98/2020/TT-BTC

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
36	<p>Khoản 2 và 3, Điều 47</p> <p>2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ mở;</p> <p>3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.</p>	<p>Khoản 2 và 3, Điều 47</p> <p>Bỏ</p>	<p>Bỏ Khoản 2 và Khoản 3 Điều này do không còn áp dụng với tình hình hoạt động hiện tại của Quỹ.</p> <p>Cập nhật đánh số thứ tự và chỉnh sửa phù hợp với Luật hiện hành</p>
37	<p>Khoản 2, Điều 48</p> <p>2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:</p>	<p>Khoản 2, Điều 48</p> <p>2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì không được:</p>	<p>Bỏ cụm từ "Ngân hàng Lưu ký". Cập nhật và điều chỉnh theo Khoản 3, Điều 76, Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>
38	<p>Phụ lục 1. Cam kết của CTQLQ</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 78/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 27/9/2018.</p>	<p>Phụ lục 1. Cam kết của CTQLQ</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Công ty quản lý quỹ</p>
39	<p>Phụ lục 2, Cam kết của NHGS</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp</p>	<p>Phụ lục 2, Cam kết của NHGS</p> <p>Phụ lục 3. Cam kết chung của CTQLQ và NHGS</p> <p>Và trên toàn văn bản</p> <p>Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.</p>	<p>Cập nhật và điều chỉnh theo Giấy phép sửa đổi gần nhất của Ngân hàng Giám sát</p>

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
40	<p>Phụ lục 4. Phương pháp xác định GTTSR</p> <p>Mục 4.1, Giá trị tài sản chính</p> <p>2. Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua và bán trung bình tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố tại ngày trước Ngày định giá.</p>	<p>Phụ lục 4. Phương pháp xác định GTTSR</p> <p>Mục 4.1, Giá trị tài sản chính</p> <p>2. Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.</p>	Cập nhật và điều chỉnh theo Phụ lục XIV, Thông tư 98/2020/TT-BTC
41	<p>Trái phiếu</p> <p>6. Trái phiếu niêm yết</p> <p>- Giá thị trường là Giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 2 tuần tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p>	<p>Trái phiếu</p> <p>6. Trái phiếu niêm yết</p> <p>- Giá thị trường là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p>	
42	<p>Cổ phiếu</p> <p>8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM</p> <p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	<p>Cổ phiếu</p> <p>8. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM</p> <p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	
43	<p>Chứng khoán phái sinh</p> <p>16. Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá</p> <p>17. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên, Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	<p>Chứng khoán phái sinh</p> <p>16. Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch trước gần nhất trước "Ngày Định Giá"</p> <p>17. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

h) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm: (tiếp theo)

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
44	<p>Khoản 1, Điều 62 <i>Giá dịch vụ Quản lý Quỹ</i> a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom là 0,5% NAV/năm (không phải năm phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm). Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = 0,5% x Giá trị Tài sản ròng tại Ngày định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác).</p>	<p>Khoản 1, Điều 62 <i>Giá dịch vụ Quản lý Quỹ</i> a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom là 0,7% NAV/năm (không phải bảy phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm). Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau: Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = 0,7% x Giá trị Tài sản ròng tại Ngày định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác).</p>	Điều chỉnh thông tin mức Giá dịch vụ quản lý quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (tiếp theo)

i) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư số 01/2021/NQĐH-PVBF ngày 04 tháng 05 năm 2021 về việc tăng tần suất giao dịch của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM, nội dung được thông qua gồm:

	Quy định cũ	Quy định mới
Tần suất giao dịch của Quỹ Điểm b), Khoản 1, Điều 17, Điều lệ Quỹ	Chứng chỉ quỹ được giao dịch 1 lần/tuần vào thứ Tư hàng tuần	Chứng chỉ quỹ được giao dịch 2 lần/tuần vào thứ Ba và thứ Năm hàng tuần

Theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư bất thường năm 2021 của Quỹ số 02/2021/NQĐH-PVBF ngày 30/11/2021 phê duyệt về việc thay đổi mức Giá dịch vụ Quản lý quỹ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ủy quyền cho PVCB Capital thực hiện các thủ tục liên quan đến việc sửa đổi, cập nhật Điều lệ Quỹ PVBF và Bản cáo bạch tương ứng phù hợp với pháp luật hiện hành quy định, nội dung được thông qua gồm:

	Quy định cũ	Quy định mới
Giá dịch vụ quản lý quỹ mới được thông qua Khoản 1, điều 62, Điều lệ Quỹ	0,5%/Giá trị tài sản ròng của quỹ/năm	0,7%/Giá trị tài sản ròng của quỹ/năm

j) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của Quỹ:

Danh mục đầu tư	Tỷ trọng trong tổng tài sản (%)
Trái phiếu	38,87%
Cổ phiếu	1,34%
Chứng chỉ tiền gửi	26,95%
Hợp đồng tiền gửi	16,52%
Tài sản khác	16,32%
Tổng tài sản	100,00%

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021: 130.022.815.957 VND
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021: 11.532,03 VND/CCQ
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021: 11.274.925,99 CCQ
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất/cao nhất trong năm tài chính thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.709,62 – 11.532,03 VND/CCQ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể:

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

I	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (1.1+1.2+1.3)	5.949.864.098
1.1	Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	2.826.562.183
1.2	Lãi được nhận từ chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	4.384.058.410
1.3	Chi phí	(1.260.756.495)
II	Lãi từ hoạt động đầu tư	1.696.522.623
III	Tổng lợi nhuận của quỹ sau thuế (III=I+II)	7.646.386.721

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong năm: Không có.

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,18%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/(2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	63,58%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

- Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm)	7.646.386.721
---	---------------

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV – Chi nhánh Hà Thành.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

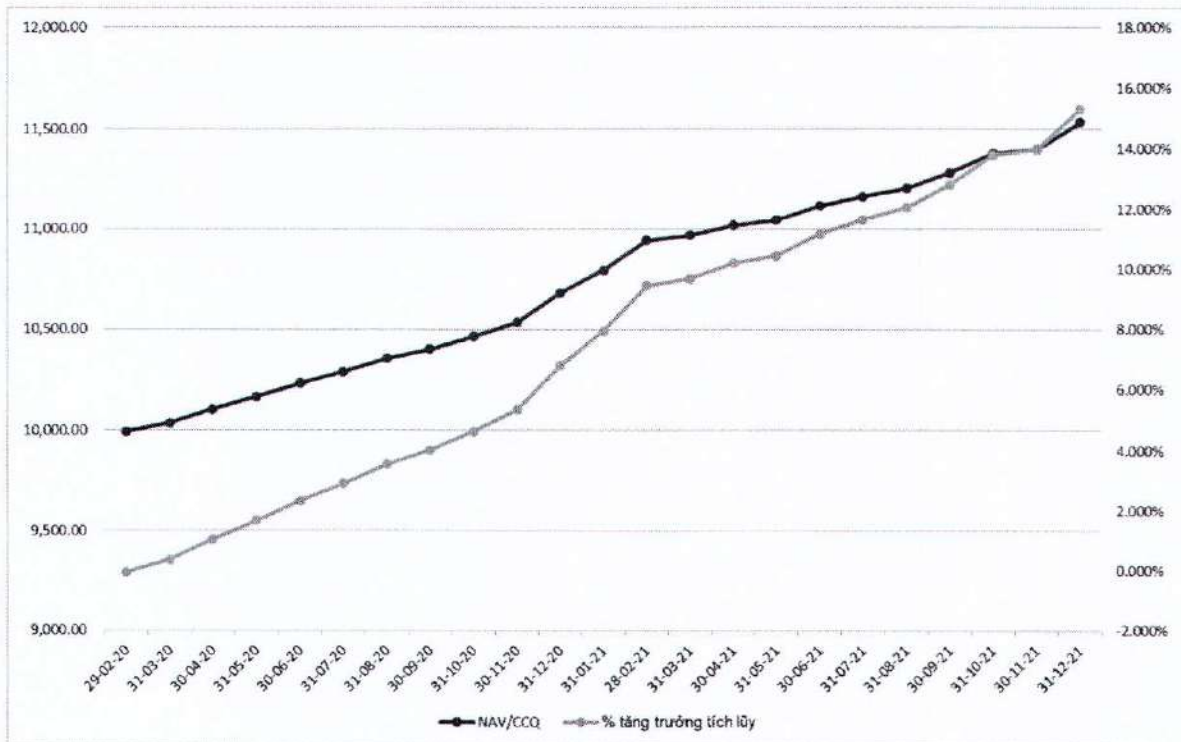
Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ: Không có;
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 7,98%/năm
- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Không có;
- d) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo: Hoạt động đầu tư của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng tập trung đầu tư vào các tài sản an toàn nhưng có lợi suất cố định tốt như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và Hợp đồng tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ cũng nghiên cứu đánh giá các biến động của thị trường lãi suất, cũng như mức rủi ro tiềm ẩn của mỗi loại tài sản đầu tư để quyết định phân bổ tỷ trọng đầu tư phù hợp với mục tiêu của quỹ và các hạn chế theo luật chứng khoán liên quan;
- e) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:



Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

- f) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: Cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Kinh tế vĩ mô:

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp từ cuối tháng Tư đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại và dịch vụ. Tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế.

Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011-2019.

Tính chung năm 2021, cả nước có 116,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.611,1 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 854 nghìn lao động, giảm 13,4% về số doanh nghiệp, giảm 27,9% về vốn đăng ký và giảm 18,1% về số lao động so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2021 đạt 13,8 tỷ đồng, giảm 16,8% so với năm trước.

Giá xăng dầu, giá gas trong tháng giảm theo giá nhiên liệu thế giới; dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước; học phí học kỳ I năm học 2021-2022 tiếp tục được miễn, giảm tại một số địa phương là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước và tăng 1,81% so với tháng 12/2020. Bình quân năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Thị trường lãi suất:

Tổng khối lượng TPCP phát hành thành công trong năm 2021 là 318 nghìn tỷ đồng, giảm 1,8% so với cùng kỳ và chỉ đạt 85,3% kế hoạch phát hành năm. Hầu hết các kỳ hạn đều không hoàn thành kế hoạch, ngoại trừ kỳ hạn 20 năm. Với lượng TPCP đáo hạn cao trong năm 2021, khối lượng phát hành TPCP ròng chỉ đạt 155 nghìn tỷ đồng, giảm 29,2% so với năm 2020. Điều đó cũng phần nào giúp mặt bằng lãi suất trúng thầu có xu hướng giảm trong năm.

- g) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong năm: Không có;
- h) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có;
- i) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Không có;
- j) Các thông tin khác: Không có.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát: Không có;
- b) Việc đầu tư đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá trong bán niên năm 2021 hạn mức đầu tư của Quỹ phát sinh sai lệch so với các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan:
- Tỷ lệ đầu tư của Quỹ Trái phiếu quy định tại khoản 14, điều 2 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC: *"Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên"*
 - Tỷ lệ đầu tư của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành quy định tại điểm c khoản 4, điều 35 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC: *"Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ"*
- Ngân hàng giám sát đã gửi báo cáo UBCK và gửi thông báo tới công ty quản lý quỹ để khắc phục, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, các tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
- c) Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;
- d) Việc phát hành bổ sung, mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật liên quan;
- e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số tiền (VND) hoặc tỷ lệ %
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	578.200.000
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận	7,56%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng	9,72%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	45,86%

- b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có;

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN (tiếp theo)

- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV – chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí ủy quyền trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị (VND)
Phí lưu ký	180.000.000
Phí giám sát	66.000.000
Phí quản trị quỹ	198.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	134.200.000
Tổng	578.200.000

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSD"). Dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Hà Thành.

Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV – Chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và tác bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng ./.

Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM

BÁO CÁO GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá trong năm 2021 hạn mức đầu tư của Quỹ phát sinh sai lệch so với các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan:
- ▶ Tỷ lệ đầu tư của Quỹ Trái phiếu quy định tại khoản 14, điều 2 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC: *“Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên”*
 - ▶ Tỷ lệ đầu tư của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành quy định tại điểm c khoản 4, điều 35 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC: *“Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ”*

Ngân hàng giám sát đã gửi báo cáo UBCK và gửi thông báo tới công ty quản lý quỹ để khắc phục, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, các tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Nguyễn Mạnh Cường
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trần Thị Hồng Ngạn

Số tham chiếu: 61603446/22724428/PVBF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM ("Quỹ"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022 và được trình bày từ trang 30 đến trang 71, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam là công ty quản lý quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Vấn đề cần nhấn mạnh

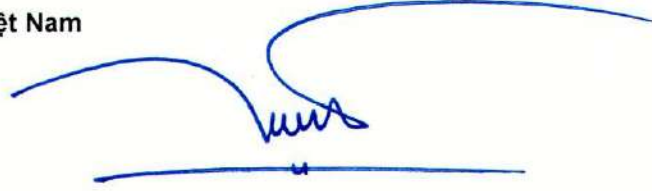
Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.5 của báo cáo tài chính. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính là từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (là ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo danh mục đầu tư, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	40.276.825.059	41.024.779
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng		18.276.825.059	41.024.779
	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ		2.713.837.460	15.033
111	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ mở		15.562.987.599	41.009.746
112	1.2 Các khoản tương đương tiền		22.000.000.000	-
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	89.469.222.843	63.560.977.042
121	2.1 Các khoản đầu tư		89.469.222.843	63.560.977.042
	2.1.1 Cổ phiếu		1.785.289.000	4.978.500.000
	2.1.2 Trái phiếu		51.778.936.456	28.882.477.040
	2.1.3 Chứng chỉ tiền gửi		35.904.997.387	29.700.000.002
130	3. Các khoản phải thu	12	3.458.283.324	2.948.529.591
133	3.1 Phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		3.458.283.324	2.948.529.591
136	3.1.1 Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.458.283.324	2.948.529.591
100	TỔNG TÀI SẢN		133.204.331.226	66.550.531.412
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ		167.968.023	20.842.485
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.372.879	2.552.241
316	3. Chi phí phải trả	13	83.367.782	83.367.782
317	4. Phải trả nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		2.713.837.131	-
318	5. Phải trả nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		-	30.991.645
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	14	214.969.454	152.340.939
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		3.181.515.269	290.095.092
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		130.022.815.957	66.260.436.320
411	1. Vốn góp của nhà đầu tư	15	112.749.259.900	62.044.598.100
412	1.1. Vốn góp phát hành		171.541.321.000	70.636.387.100
413	1.2. Vốn góp mua lại		(58.792.061.100)	(8.591.789.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư	15	5.916.723.784	505.392.669
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	11.356.832.273	3.710.445.551
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.532,03	10.679,48
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	17	111.274.925,99	6.204.459,81

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam




Ông Nguyễn Thời Đại
 Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh
 Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
I	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG ĐẦU KỲ	66.260.436.320	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	7.646.386.722	3.710.445.551
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	7.646.386.722	3.710.445.551
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	56.115.992.915	62.549.990.769
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	112.621.923.300	71.503.381.973
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(56.505.930.385)	(8.953.391.204)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	130.022.815.957	66.260.436.320

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CÓ PHIẾU NIÊM YẾT				
1	FPT	10.000	93.000,00	930.000.000	0,70%
2	MBB	10	28.900,00	289.000	0,00%
3	MSN	5.000	171.000,00	855.000.000	0,64%
	Tổng	15.010		1.785.289.000	1,34%
II	TRÁI PHIẾU				
1	Trái phiếu niêm yết				
	Trái phiếu doanh nghiệp - GLH121026	100.000	98.726,44	9.872.644.000	7,41%
	Trái phiếu doanh nghiệp - KBC121020	220.602	103.165,19	22.758.447.244	17,09%
	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN12001	50.000	99.513,81	4.975.690.500	3,74%
	Trái phiếu doanh nghiệp - VJC11912	50.000	100.884,76	5.044.238.000	3,79%
2	Trái phiếu chưa niêm yết				
	Trái phiếu doanh nghiệp - PDRH2123002	40	103.197.917,80	4.127.916.712	3,10%
	Trái phiếu doanh nghiệp - BONDHDG/2020.02	50	100.000.000,00	5.000.000.000	3,75%
	Tổng	420.692		51.778.936.456	38,87%
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu lãi trái phiếu			838.263.050	0,63%
2	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi			2.579.713.424	1,94%
3	Phải thu lãi tiền gửi			40.306.850	0,03%
	Tổng			3.458.283.324	2,60%
IV	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			15.562.987.599	11,68%
2	Chứng chỉ tiền gửi			35.904.997.387	26,95%
3	Tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư			2.713.837.460	2,04%
4	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			22.000.000.000	16,52%
	Tổng			76.181.822.446	57,19%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC	435.702		133.204.331.226	100,00%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		7.646.386.722	3.710.445.551
02	Điều chỉnh			
03	- Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(55.568.331)	(214.454.734)
04	- Chi phí trích trước		-	-
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		7.590.818.391	3.495.990.817
06	- Tăng các khoản đầu tư		(25.852.677.470)	(63.346.522.308)
07	- Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(509.753.733)	(2.948.529.591)
11	- Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		147.125.538	20.842.485
13	- (Giảm)/Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(1.179.362)	2.552.241
14	- Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		2.713.837.131	30.991.645
15	- Giảm phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(30.991.645)	-
16	- Tăng phải trả phải nộp khác		-	83.367.782
17	- Giảm phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		62.628.515	152.340.939
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(15.880.192.635)	(62.508.965.990)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở	15	112.621.923.300	71.503.381.973
32	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở	15	(56.505.930.385)	(8.953.391.204)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		56.115.992.915	62.549.990.769
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		40.235.800.280	41.024.779

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 30/12/2020 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		41.024.779	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ			
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		41.009.746	-
53	- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		15.033	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		40.276.825.059	41.024.779
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		18.276.825.059	
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		15.562.987.599	41.009.746
58	- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		2.713.837.460	15.033
59	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		22.000.000.000	-
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		40.235.800.280	41.024.779

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM (“Quỹ”) được thành lập ngày 07 tháng 02 năm 2020 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 41/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 78/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 24 tháng 09 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều lệ hoạt động của Quỹ ban hành ngày 07 tháng 02 năm 2020 và sửa đổi lần cuối theo thông báo sửa đổi Điều lệ Quỹ số 266/QLQ-PTKD ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCK cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10 tháng 08 năm 2020.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ

Quỹ có địa chỉ liên hệ và Công ty Quản lý quỹ có Trụ sở chính tại tầng 9, Tòa nhà Hapro, Số 11B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.


BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		8.907.143.216	4.650.177.979
3	1.1 Tiền lãi được nhận		7.210.620.593	4.336.911.898
4	1.2 Lãi bán các khoản đầu tư	5	1.640.954.292	98.811.347
5	1.3 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	55.568.331	214.454.734
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		80.869.490	22.437.775
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	80.869.490	22.437.775
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.179.887.004	917.294.653
20.1	3.1 Giá quản lý quỹ mở	19.1	513.720.096	275.063.386
20.2	3.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	19.2	180.695.310	198.292.033
20.3	3.3 Giá dịch vụ giám sát	19.2	66.000.000	57.162.069
20.4	3.4 Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	19.2	198.000.000	171.486.207
20.5	3.5 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	108.935.484
20.6	3.6 Chi phí và thù lao ban đại diện quỹ	19.1	-	16.484.983
20.7	3.7 Chi phí kiểm toán		77.000.000	77.000.000
20.8	3.8 Chi phí thanh lý tài sản quỹ mở		-	-
20.9	3.9 Chi phí hoạt động khác	8	12.471.598	12.870.491
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.646.386.722	3.710.445.551
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	16	7.646.386.722	3.710.445.551
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		7.590.818.391	3.495.990.817
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		55.568.331	214.454.734
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		7.646.386.722	3.710.445.551

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng

Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.100.000.000 VND, tương đương với 5.010.000,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 112.749.259.900 VND, tương đương với 11.274.925,99 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào các công cụ thu nhập cố định có chất lượng tốt, thanh khoản cao như: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết, trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp niêm yết, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và giấy tờ có giá khác được phát hành tại Việt Nam.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Từ ngày 04 tháng 06 năm 2021, tần suất giao dịch của Quỹ là một (02) lần một (01) tuần vào ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần; đối với kỳ định giá hàng tháng, quý, năm, giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Từ 01/01/2021 đến 03/06/2021, Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào thứ Tư hàng tuần; từ 04/06/2021 đến 31/12/2021 Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và hạn mức đầu tư sau:

- ▶ Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - ▶ Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - ▶ Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ
- ▶ Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
 - ▶ Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - ▶ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại Theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) của một tổ chức phát hành, trừ công nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - ▶ Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ▶ Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ▶ Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- ▶ Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm.

Trừ ba (03) trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Thông tin so sánh

Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính là từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong khi đó, kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (là ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo danh mục đầu tư, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán hiện tại.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng (kể từ ngày giao dịch), trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "*Các khoản đầu tư*", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "*Dự thu trái tức, tiền lãi gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ, Thông tư 98 và sổ tay định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết

Giá thị trường là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế, cụ thể như sau:

- Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh: Là giá sạch cuối ngày của trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Là giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ **Trái phiếu niêm yết**

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động lớn (***) thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá bình quân của các tổ chức báo giá trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Báo giá phải được cung cấp bởi ít nhất 3 trong 5 tổ chức báo giá không phải là người là có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá được Ban Đại diện Quỹ lựa chọn. Phương pháp này chỉ áp dụng đối với trái phiếu Chính phủ;
- Giá yết/giá sạch của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 30 ngày tính đến ngày định giá + lãi lũy kế; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Ghi chú:

(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

(**) Giá thị trường có biến động lớn được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) và biến động tăng hoặc giảm từ 3% trở lên (đối với trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.

▶ **Trái phiếu chưa niêm yết:**

Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá.

Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế;
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Ghi chú:

(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

► **Cổ phiếu**

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- o Giá trị sổ sách; hoặc
- o Giá mua; hoặc
- o Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- o Giá trị sổ sách; hoặc
- o Giá mua; hoặc
- o Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:

- o Giá trung bình từ các báo giá; hoặc
- o Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- o Giá trị sổ sách; hoặc
- o Giá mua; hoặc
- o Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- o Giá trị sổ sách; hoặc
- o Mệnh giá; hoặc
- o Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ **Cổ phiếu (tiếp theo)**

v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ **Chứng khoán phái sinh**

- Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng mười lăm (15) ngày trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ **Các tài sản khác**

- Là các tài sản được phép đầu tư khác;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Lãi/(Lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư 198.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(Lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu và dự thu cổ tức, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc.

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quý có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quý có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi Đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 VND.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quý do các nhà đầu tư góp vốn vào Quý theo phương thức mua chứng chỉ quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(Lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(Lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các công ty chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí và giá dịch vụ

Các chi phí và giá dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí và giá dịch vụ chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý là 0,5% từ 01/01/2021 đến 20/12/2021 và là 0,7% từ 21/12/2021 đến 31/12/2021 giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại Ngày định giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ lưu ký cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (không bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán:

STT	Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ (không thuế giá trị gia tăng)
1	Giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch hoặc Tối thiểu 100.000 VND/ngày giao dịch và Tối đa 10.000.000 VND/ngày giao dịch
2	Giao dịch trái phiếu niêm yết	0,01% giá trị giao dịch hoặc Tối thiểu 100.000 VND/ngày giao dịch và Tối đa 10.000.000 VND/ngày giao dịch
3	Giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 VND/giao dịch

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm phí thanh toán, giá dịch vụ tài khoản (duy trì tài khoản, internet banking...) phục vụ cho hoạt động của Quỹ và phân phối cổ tức.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ soạn thảo báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và áp dụng từ ngày quỹ bắt đầu giao dịch theo tần suất hàng ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí và giá dịch vụ (tiếp theo)

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ <i>(chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)</i>
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 VND/tháng
2	Giá dịch vụ thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 VND/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế (tiếp theo)

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

UN
I
H
P.H

C.
TY
AN
LY
HANG
CO PH
ONG
AM
T.P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư kỳ này VND	Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư kỳ trước VND
Cổ phiếu niêm yết	20.380.775.000	18.666.369.060	1.714.405.940	-
Trái phiếu niêm yết	25.150.900.000	25.526.981.785	(376.081.785)	-
Chứng chỉ tiền gửi	33.002.630.137	32.700.000.000	302.630.137	-
	78.534.305.137	76.893.350.845	1.640.954.292	-

6. CHÊNH LỆCH TĂNG GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ VND	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	1.591.399.940	1.785.289.000	193.889.060	371.571.000	(177.681.940)
Trái phiếu	51.702.802.451	51.778.936.456	76.134.005	(157.116.266)	233.250.271
Chứng chỉ tiền gửi	35.904.997.387	35.904.997.387	-	-	-
	89.199.199.778	89.469.222.843	270.023.065	214.454.734	55.568.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	32.167.988	22.437.775
Chi phí môi giới, giao dịch mua các khoản đầu tư	33.622.454	-
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	15.079.048	-
	80.869.490	22.437.775

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	5.000.000	6.367.781
Phí ngân hàng	4.871.598	6.502.710
Phí thực hiện quyền trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	2.600.000	-
	12.471.598	12.870.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong năm như sau:

STT	Các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí dịch vụ giao dịch bình quân
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua Công ty Chứng khoán trong kỳ báo cáo	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình	Không liên quan	10.427.600.000	78.236.242.005	13,33%	0,03%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh	Không liên quan	5.388.915.000	78.236.242.005	6,89%	0,15%
3	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh	Không liên quan	24.615.090.000	78.236.242.005	31,46%	0,12%
4	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	Không liên quan	37.804.637.005	78.236.242.005	48,32%	0,07%
	Tổng cộng		78.236.242.005		100,00%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (i) VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (ii) VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại (ii) VND
				Tăng VND	Giảm VND	
I	Cổ phiếu niêm yết					
1	FPT	936.805.085	930.000.000	-	(6.805.085)	930.000.000
2	MBB	194.855	289.000	94.145	-	289.000
3	MSN	654.400.000	855.000.000	200.600.000	-	855.000.000
		1.591.399.940	1.785.289.000	200.694.145	(6.805.085)	1.785.289.000
II	Trái phiếu niêm yết					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – GLH121026	10.229.791.781	9.872.644.000	-	(357.147.781)	9.872.644.000
2	Trái phiếu doanh nghiệp – KBC121020	22.191.235.748	22.758.447.244	567.211.496	-	22.758.447.244
3	Trái phiếu doanh nghiệp – MSN12001	5.111.219.854	4.975.690.500	-	(135.529.354)	4.975.690.500
4	Trái phiếu doanh nghiệp – VJC11912	5.042.638.356	5.044.238.000	1.599.644	-	5.044.238.000
		42.574.885.739	42.651.019.744	568.811.140	(492.677.135)	42.651.019.744
III	Trái phiếu chưa niêm yết					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – BONDDHDG/2020.02	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
2	Trái phiếu doanh nghiệp – PDRH2123002	4.127.916.712	4.127.916.712	-	-	4.127.916.712
		9.127.916.712	9.127.916.712	-	-	9.127.916.712
IV	Chứng chỉ tiền gửi					
1	Chứng chỉ tiền gửi – CCTG.SHBFC2503	9.000.000.002	9.000.000.002	-	-	9.000.000.002
2	Chứng chỉ tiền gửi – VIETCRD/120121	4.000.000.019	4.000.000.019	-	-	4.000.000.019
3	Chứng chỉ tiền gửi – VIETCREDIT220621	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
4	Chứng chỉ tiền gửi – VIETCREDIT230221	10.000.000.047	10.000.000.047	-	-	10.000.000.047
5	Chứng chỉ tiền gửi – VPBFC/CCTG10050	4.904.997.463	4.904.997.463	-	-	4.904.997.463
6	Chứng chỉ tiền gửi – VPBFC/CCTG220121	2.999.999.856	2.999.999.856	-	-	2.999.999.856
		35.904.997.387	35.904.997.387	-	-	35.904.997.387
		89.199.199.778	89.469.222.843	769.505.285	(499.482.220)	89.469.222.843

(i) Không bao gồm lãi dự thu của trái phiếu đến ngày mua.

(ii) Không bao gồm lãi dự thu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua (i) VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (ii) VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại (ii) VND
				Tăng VND	Giảm VND	
I	Cổ phiếu niêm yết					
1	MBB	2.595.929.000	2.760.000.000	164.071.000	-	2.760.000.000
2	HPG	1.121.500.000	1.243.500.000	122.000.000	-	1.243.500.000
3	VPB	889.500.000	975.000.000	85.500.000	-	975.000.000
		4.606.929.000	4.978.500.000	371.571.000	-	4.978.500.000
II	Trái phiếu niêm yết					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – MSR118001	9.254.808.452	9.225.037.640	-	(29.770.812)	9.225.037.640
2	Trái phiếu doanh nghiệp – VPL11810	9.673.565.000	9.501.835.400	-	(171.729.600)	9.501.835.400
3	Trái phiếu doanh nghiệp – MSN12001	5.111.219.854	5.155.604.000	44.384.146	-	5.155.604.000
		24.039.593.306	23.882.477.040	44.384.146	(201.500.412)	23.882.477.040
III	Trái phiếu chưa niêm yết					
1	Trái phiếu doanh nghiệp – BONDHDG/2020.02	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
		5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
II	Chứng chỉ tiền gửi					
1	Chứng chỉ tiền gửi – SHBF20024202003	9.000.000.002	9.000.000.002	-	-	9.000.000.002
2	Chứng chỉ tiền gửi – VPBFC/CCTG7728	4.900.000.000	4.900.000.000	-	-	4.900.000.000
3	Chứng chỉ tiền gửi – CCTG20200115	9.800.000.000	9.800.000.000	-	-	9.800.000.000
4	Chứng chỉ tiền gửi – FECREDIT4	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
		29.700.000.002	29.700.000.002	-	-	29.700.000.002
		63.346.522.308	63.560.977.042	415.955.146	(201.500.412)	63.560.977.042

(i) Không bao gồm lãi dự thu của trái phiếu đến ngày mua.

(ii) Không bao gồm lãi dự thu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành:	18.276.825.059	41.024.779
- Tiền gửi tài khoản hoạt động và tài khoản thanh toán mua lại CCQ Ngân hàng	15.562.987.599	41.009.746
- Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	2.713.837.460	15.033
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	22.000.000.000	-
	40.276.825.059	41.024.779

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 03 tháng được hưởng lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,5%/năm.

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải thu lãi trái phiếu	838.263.050	943.691.233
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	2.579.713.424	2.004.838.358
Phải thu lãi tiền gửi	40.306.850	-
	3.458.283.324	2.948.529.591

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả phí kiểm toán	77.000.000	77.000.000
Phải trả phí quản lý thường niên của UBCK	6.367.782	6.367.782
	83.367.782	83.367.782

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	166.880.872	53.122.395
Phải trả giá dịch vụ lưu ký tài sản	15.088.582	218.544
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	66.000.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát	5.500.000	22.000.000
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	214.969.454	152.340.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Biến động vốn góp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<u>31/12/2020</u>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<u>31/12/2021</u>
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	7.063.638,71	10.090.493,39	17.154.132,10
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.122,74	11.161,19	10.733,58
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	70.636.387.100	100.904.933.900	171.541.321.000
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	866.994.873	11.716.989.400	12.583.984.273
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	71.503.381.973	112.621.923.300	184.125.305.273
Vốn góp mua lại				
Số lượng	CCQ	(859.178,90)	(5.020.027,21)	(5.879.206,11)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.420,87	11.256,10	11.134,04
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(8.591.789.000)	(50.200.272.100)	(58.792.061.100)
Thặng dư vốn góp mua lại	VND	(361.602.204)	(6.305.658.285)	(6.667.260.489)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(8.953.391.204)	(56.505.930.385)	(65.459.321.589)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	<u>6.204.459,81</u>	<u>5.070.466,18</u>	<u>11.274.925,99</u>
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	<u>62.549.990.769</u>	<u>56.115.992.915</u>	<u>118.665.983.684</u>
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	<u>3.710.445.551</u>	<u>7.646.386.722</u>	<u>11.356.832.273</u>
Giá trị tài sản ròng hiện hành	VND	<u>66.260.436.320</u>	<u>63.762.379.637</u>	<u>130.022.815.957</u>
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	VND/ CCQ	<u>10.679,48</u>		<u>11.532,03</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Biến động vốn góp trong giai đoạn từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>07/02/2020 (ngày thành lập Quỹ)</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>31/12/2020</i>
Vốn góp phát hành				
Số lượng	CCQ	5.010.000,00	2.053.638,71	7.063.638,71
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.000,00	10.422,17	10.122,74
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	50.100.000.000	20.536.387.100	70.636.387.100
Thặng dư vốn góp phát hành	VND	-	866.994.873	866.994.873
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	50.100.000.000	21.403.381.973	71.503.381.973
Vốn góp mua lại				
Số lượng	CCQ	-	(859.178,90)	(859.178,90)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	-	10.420,87	10.420,87
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	-	(8.591.789.000)	(8.591.789.000)
Thặng dư vốn góp mua lại	VND	-	(361.602.204)	(361.602.204)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	-	(8.953.391.204)	(8.953.391.204)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành				
	CCQ	<u>5.010.000,00</u>	<u>1.194.459,81</u>	<u>6.204.459,81</u>
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	<u>50.100.000.000</u>	<u>12.449.990.769</u>	<u>62.549.990.769</u>
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	<u>-</u>	<u>3.710.445.551</u>	<u>3.710.445.551</u>
Giá trị tài sản ròng hiện hành	VND	<u>50.100.000.000</u>	<u>16.160.436.320</u>	<u>66.260.436.320</u>
Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	VND/ CCQ	<u>10.000,00</u>		<u>10.679,48</u>

16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>31/12/2021 VND</i>	<i>31/12/2020 VND</i>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	3.710.445.551	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	7.646.386.722	3.710.445.551
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	7.590.818.391	3.495.990.817
- Lợi nhuận chưa thực hiện	55.568.331	214.454.734
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	11.356.832.273	3.710.445.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Biến động giá trị tài sản ròng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản	Số lượng	Giá trị tài sản	Tăng/(Giảm) giá
		ròng VND	chứng chỉ quỹ CCQ	ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND	trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
1	05/01/2021	66.447.439.245	6.204.460	10.709,62	30,14
2	12/01/2021	74.904.524.078	6.951.452	10.775,37	65,75
3	19/01/2021	74.968.879.818	6.961.846	10.768,53	(6,84)
4	26/01/2021	75.237.616.311	6.972.061	10.791,30	22,77
5	31/01/2021	75.252.899.207	6.972.061	10.793,49	2,19
6	02/02/2021	75.210.941.946	6.972.061	10.787,47	(6,02)
7	09/02/2021	75.353.061.594	6.972.061	10.807,86	20,39
8	16/02/2021	75.440.857.670	6.972.061	10.820,45	12,59
9	23/02/2021	76.202.095.869	6.975.942	10.923,55	103,10
10	28/02/2021	76.948.281.710	7.030.869	10.944,34	20,79
11	02/03/2021	76.904.881.018	7.030.869	10.938,17	(6,17)
12	09/03/2021	76.951.682.370	7.030.869	10.944,83	6,66
13	16/03/2021	77.077.082.019	7.034.981	10.956,26	11,43
14	23/03/2021	78.095.501.022	7.126.253	10.958,84	2,58
15	30/03/2021	78.959.809.349	7.190.250	10.981,51	22,67
16	31/03/2021	78.860.831.410	7.190.250	10.967,74	(13,77)
17	06/04/2021	78.996.825.496	7.190.250	10.986,65	18,91
18	13/04/2021	79.106.270.752	7.190.250	11.001,88	15,23
19	20/04/2021	80.258.782.163	7.285.233	11.016,63	14,75
20	27/04/2021	80.246.283.082	7.285.233	11.014,92	(1,71)
21	30/04/2021	76.952.022.960	6.982.981	11.019,93	5,01
22	04/05/2021	77.040.067.202	6.982.981	11.032,54	12,61
23	11/05/2021	77.109.419.073	6.984.794	11.039,61	7,07
24	18/05/2021	77.167.766.285	6.986.968	11.044,52	4,91
25	25/05/2021	85.216.967.240	7.711.399	11.050,77	6,25
26	31/05/2021	85.166.301.498	7.711.399	11.044,20	(6,57)
27	01/06/2021	85.207.189.050	7.711.399	11.049,51	5,31
28	07/06/2021	85.503.459.440	7.711.399	11.087,93	38,42
29	09/06/2021	85.580.289.567	7.715.368	11.092,18	4,25
30	14/06/2021	86.893.415.884	7.829.085	11.098,79	6,61
31	16/06/2021	86.947.569.271	7.842.089	11.087,29	(11,50)
32	21/06/2021	107.015.026.740	9.638.905	11.102,40	15,11
33	23/06/2021	117.023.805.696	10.533.688	11.109,48	7,08
34	28/06/2021	117.070.145.928	10.531.422	11.116,27	6,79
35	30/06/2021	119.315.435.368	10.733.183	11.116,50	0,23
36	05/07/2021	119.383.252.128	10.739.195	11.116,59	0,09
37	07/07/2021	126.035.049.507	11.349.631	11.104,77	(11,82)
38	12/07/2021	116.428.011.357	10.463.438	11.127,12	22,35
39	14/07/2021	116.745.442.606	10.484.348	11.135,21	8,09
40	19/07/2021	110.750.901.508	9.938.324	11.143,82	8,61
41	21/07/2021	111.219.602.552	9.975.244	11.149,56	5,74
42	26/07/2021	111.357.378.118	9.979.893	11.158,17	8,61
43	28/07/2021	111.661.080.344	10.004.812	11.160,73	2,56
44	31/07/2021	111.805.268.614	10.013.813	11.165,10	4,37
45	02/08/2021	111.812.495.130	10.013.813	11.165,82	0,72
46	04/08/2021	112.159.293.424	10.049.377	11.160,82	(5,00)
47	09/08/2021	112.438.172.185	10.077.553	11.157,28	(3,54)
48	11/08/2021	113.359.665.630	10.152.017	11.166,22	8,94
49	16/08/2021	113.601.535.916	10.161.735	11.179,34	13,12
50	18/08/2021	114.438.588.592	10.222.778	11.194,47	15,13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Biến động giá trị tài sản ròng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau (tiếp theo):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản	Số lượng	Giá trị tài sản	Tăng/(Giảm) giá
		ròng VND	chứng chỉ quỹ CCQ	ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND	trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
51	23/08/2021	113.876.884.401	10.165.741	11.202,02	11.202,02
52	25/08/2021	115.962.390.447	10.348.994	11.205,18	11.205,18
53	30/08/2021	116.388.111.085	10.374.406	11.218,77	11.218,77
54	31/08/2021	117.009.457.917	10.442.981	11.204,60	11.204,60
55	01/09/2021	117.241.811.394	10.442.981	11.226,85	11.226,85
56	06/09/2021	117.289.588.637	10.442.981	11.231,42	11.231,42
57	08/09/2021	118.320.496.547	10.546.322	11.219,12	11.219,12
58	13/09/2021	117.256.715.247	10.433.503	11.238,47	11.238,47
59	15/09/2021	118.292.957.677	10.501.756	11.264,11	11.264,11
60	20/09/2021	119.045.535.716	10.564.627	11.268,31	11.268,31
61	22/09/2021	120.401.411.063	10.672.976	11.280,95	11.280,95
62	27/09/2021	121.429.306.501	10.789.033	11.254,88	11.254,88
63	29/09/2021	122.333.302.360	10.845.471	11.279,66	11.279,66
64	30/09/2021	122.484.765.154	10.855.772	11.282,91	11.282,91
65	04/10/2021	122.764.415.979	10.855.772	11.308,67	11.308,67
66	06/10/2021	123.879.367.339	10.944.532	11.318,83	11.318,83
67	11/10/2021	124.564.958.154	10.978.060	11.346,71	11.346,71
68	13/10/2021	125.378.614.800	11.050.132	11.346,34	11.346,34
69	18/10/2021	126.012.624.944	11.092.496	11.360,16	11.360,16
70	20/10/2021	127.054.898.231	11.186.734	11.357,63	11.357,63
71	25/10/2021	127.675.358.358	11.247.856	11.351,08	11.351,08
72	27/10/2021	128.480.331.731	11.304.519	11.365,39	11.365,39
73	31/10/2021	127.546.603.026	11.207.950	11.380,01	11.380,01
74	01/11/2021	127.390.013.640	11.207.950	11.366,04	11.366,04
75	03/11/2021	128.493.690.661	11.302.864	11.368,24	11.368,24
76	08/11/2021	129.102.160.288	11.335.370	11.389,31	11.389,31
77	10/11/2021	129.796.429.058	11.415.228	11.370,46	11.370,46
78	15/11/2021	130.889.511.707	11.483.774	11.397,77	11.397,77
79	17/11/2021	120.864.508.239	10.602.542	11.399,57	11.399,57
80	22/11/2021	120.671.392.432	10.639.196	11.342,15	11.342,15
81	24/11/2021	121.832.569.875	10.689.893	11.396,98	11.396,98
82	29/11/2021	122.204.300.247	10.710.879	11.409,36	11.409,36
83	30/11/2021	122.756.130.401	10.769.435	11.398,56	11.398,56
84	01/12/2021	122.835.212.665	10.769.435	11.405,91	11.405,91
85	06/12/2021	123.573.521.181	10.840.647	11.399,09	11.399,09
86	08/12/2021	124.309.371.393	10.899.379	11.405,17	11.405,17
87	13/12/2021	124.878.307.569	10.933.027	11.422,11	11.422,11
88	15/12/2021	125.322.949.615	10.948.945	11.446,12	11.446,12
89	20/12/2021	129.544.642.375	11.317.108	11.446,79	11.446,79
90	22/12/2021	130.109.713.731	11.331.708	11.481,91	11.481,91
91	27/12/2021	129.763.845.167	11.282.223	11.501,62	11.501,62
92	29/12/2021	129.931.177.847	11.302.437	11.495,85	11.495,85
93	31/12/2021	130.022.815.957	11.274.926	11.532,03	11.532,03

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm: 106.761.412.212

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 11.532,03
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) 10.709,62

(*) Ngày NAV là ngày xác định giá trị tài sản ròng cho ngày định giá liền sau đó

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Biến động giá trị tài sản ròng trong giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

<i>STT</i>	<i>Ngày NAV (*)</i>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ</i>	<i>Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>	<i>Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>
1	07/02/2020	50.100.000.000	5.010.000	10.000,00	-
2	18/02/2020	50.084.663.049	5.010.000	9.996,93	(3,07)
3	25/02/2020	50.065.080.137	5.010.000	9.993,02	(3,91)
4	29/02/2020	50.071.059.406	5.010.000	9.994,22	1,20
5	03/03/2020	50.052.912.281	5.010.000	9.990,60	(3,62)
6	10/03/2020	50.144.613.458	5.010.000	10.008,90	18,30
7	17/03/2020	50.184.620.452	5.010.200	10.016,49	7,59
8	24/03/2020	50.217.590.918	5.010.100	10.023,27	6,78
9	31/03/2020	51.283.458.854	5.110.165	10.035,57	12,30
10	07/04/2020	52.382.010.342	5.209.512	10.055,07	19,50
11	14/04/2020	52.478.309.849	5.209.511	10.073,55	18,48
12	21/04/2020	51.183.808.947	5.074.511	10.086,45	12,90
13	28/04/2020	51.336.783.654	5.082.443	10.100,80	14,35
14	30/04/2020	51.369.690.731	5.084.423	10.103,34	2,54
15	05/05/2020	51.385.373.761	5.084.423	10.106,43	3,09
16	12/05/2020	51.507.609.278	5.084.423	10.130,47	24,04
17	19/05/2020	51.568.091.282	5.084.423	10.142,36	11,89
18	26/05/2020	51.649.574.471	5.084.423	10.158,39	16,03
19	31/05/2020	51.687.807.517	5.084.423	10.165,91	7,52
20	02/06/2020	51.763.021.635	5.084.423	10.180,70	14,79
21	09/06/2020	51.765.509.968	5.084.423	10.181,19	0,49
22	16/06/2020	51.858.171.730	5.084.423	10.199,42	18,23
23	23/06/2020	51.974.406.086	5.084.423	10.222,28	22,86
24	30/06/2020	52.023.796.657	5.084.423	10.231,99	9,71
25	07/07/2020	52.114.924.801	5.084.423	10.249,91	17,92
26	14/07/2020	52.200.739.599	5.084.423	10.266,79	16,88
27	21/07/2020	52.236.388.506	5.084.423	10.273,80	7,01
28	28/07/2020	52.434.934.541	5.090.263	10.301,02	27,22
29	31/07/2020	52.376.788.986	5.090.263	10.289,60	(11,42)
30	04/08/2020	52.442.506.077	5.090.263	10.302,51	12,91
31	11/08/2020	52.642.292.276	5.099.969	10.322,08	19,57
32	18/08/2020	54.227.072.487	5.248.389	10.332,13	10,05
33	25/08/2020	56.099.459.864	5.422.603	10.345,48	13,35
34	31/08/2020	56.145.520.037	5.422.603	10.353,98	8,50
35	02/09/2020	56.182.127.682	5.422.603	10.360,73	6,75
36	08/09/2020	56.252.054.457	5.422.603	10.373,62	12,89
37	15/09/2020	56.418.757.727	5.434.363	10.381,85	8,23
38	22/09/2020	56.448.481.352	5.434.652	10.386,77	4,92
39	29/09/2020	56.525.694.501	5.434.652	10.400,97	14,20
40	30/09/2020	56.526.767.805	5.434.652	10.401,17	0,20
41	06/10/2020	56.586.112.530	5.434.652	10.412,09	10,92
42	13/10/2020	56.735.879.568	5.437.341	10.434,48	22,39
43	20/10/2020	56.879.626.624	5.439.066	10.457,60	23,12
44	27/10/2020	56.953.459.879	5.439.965	10.469,45	11,85
45	31/10/2020	57.319.111.520	5.478.171	10.463,18	(6,27)
46	03/11/2020	57.379.134.567	5.478.171	10.474,14	10,96
47	10/11/2020	62.964.522.257	5.998.501	10.496,71	22,57
48	17/11/2020	63.699.141.522	6.058.710	10.513,64	16,93
49	24/11/2020	63.675.178.931	6.057.943	10.511,02	(2,62)
50	30/11/2020	62.823.267.151	5.963.353	10.534,89	23,87
51	01/12/2020	62.990.760.431	5.963.353	10.562,97	28,08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Biến động giá trị tài sản ròng trong giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 07 tháng 02 năm 2020 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

<i>STT</i>	<i>Ngày NAV (*)</i>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ</i>	<i>Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>	<i>Tăng/(Giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>
52	08/12/2020	63.093.345.808	5.963.447	10.580,01	17,04
53	15/12/2020	63.318.783.444	5.970.158	10.605,88	25,87
54	22/12/2020	66.048.744.991	6.205.877	10.642,93	37,05
55	29/12/2020	66.222.127.513	6.207.380	10.668,28	25,35
56	31/12/2020	66.260.436.320	6.204.460	10.679,48	11,20

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ: 55.042.180.504

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- ▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND) 10.679,48
- ▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 9.990,60

(*) Ngày NAV là ngày xác định giá trị tài sản ròng cho ngày định giá liền sau đó

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	<i>31/12/2021 chứng chỉ quỹ</i>	<i>31/12/2020 chứng chỉ quỹ</i>
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	<u>11.274.925,99</u>	<u>6.204.459,81</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

19.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trọng năm như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm tài chính kết thúc ngày</u>	<u>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020</u>
			<u>31/12/2021</u>	<u>đến 31/12/2020</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	513.720.096	275.063.386
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	16.484.983

Giá dịch vụ quản lý là 0,5% từ 01/01/2021 đến 20/12/2021 và là 0,7% từ 21/12/2021 đến 31/12/2021 giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>31/12/2021</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả giá dịch vụ quản lý	53.122.395	513.720.096	(399.961.619)	166.880.872



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND</i>	<i>Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020 VND</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng – Giám sát	Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.832.877	36.911.617
		Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.830.450	27.991.637
		Giá dịch vụ giám sát	180.000.000	57.162.069
		Giá dịch vụ lưu ký	66.000.000	197.862.069
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	198.000.000	171.486.207

Số dư trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>31/12/2020 VND</i>	<i>Phát sinh tăng VND</i>	<i>Phát sinh giảm VND</i>	<i>31/12/2021 VND</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng – Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	41.024.779	529.754.851.548	(511.519.051.268)	18.276.825.059
		Giá dịch vụ lưu ký phải trả	-	180.000.000	(165.000.000)	15.000.000
		Giá dịch vụ giám sát phải trả	22.000.000	66.000.000	(82.500.000)	5.500.000
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	66.000.000	198.000.000	(247.500.000)	16.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quý. Nợ phải trả tài chính của Quý chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quý, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quý. Quý không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quý đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quý để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quý xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quý quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản tiền gửi và chứng khoán nợ của Quý có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quý không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do Quý không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu

Các cổ phiếu và trái phiếu do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quý quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quý xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quý ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quý phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Chứng khoán niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Do đó, rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Không bị quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Tổng
		< 90 ngày VND	91 - 180 ngày VND	180 - 210 ngày VND	> 210 ngày VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.276.825.059	-	-	-	-	40.276.825.059
Các khoản đầu tư tài chính	89.469.222.843	-	-	-	-	89.469.222.843
- Cổ phiếu niêm yết	1.785.289.000	-	-	-	-	1.785.289.000
- Trái phiếu niêm yết	46.778.936.456	-	-	-	-	46.778.936.456
- Trái phiếu không niêm yết	5.000.000.000	-	-	-	-	5.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi	35.904.997.387	-	-	-	-	35.904.997.387
Các khoản cho vay và phải thu	3.458.283.324	-	-	-	-	3.458.283.324
- Phải thu lãi tiền gửi	40.306.850	-	-	-	-	40.306.850
- Phải thu lãi trái phiếu niêm yết	554.358.940	-	-	-	-	554.358.940
- Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết	283.904.110	-	-	-	-	283.904.110
- Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	2.579.713.424	-	-	-	-	2.579.713.424
	133.204.331.226	-	-	-	-	133.204.331.226

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện Quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	<i>Không xác định thời hạn đáo hạn VND</i>	<i>Đến 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và tương đương tiền	40.276.825.059	-	-	-	40.276.825.059
Các khoản đầu tư tài chính	1.785.289.000	15.000.000.002	72.683.933.841	-	89.469.222.843
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>1.785.289.000</i>	-	-	-	<i>1.785.289.000</i>
<i>Trái phiếu niêm yết</i>	-	-	<i>46.778.936.456</i>	-	<i>46.778.936.456</i>
<i>Trái phiếu không niêm yết</i>	-	-	<i>5.000.000.000</i>	-	<i>5.000.000.000</i>
<i>Chứng chỉ tiền gửi</i>	-	<i>15.000.000.002</i>	<i>20.904.997.385</i>	-	<i>35.904.997.387</i>
Các khoản cho vay và phải thu	-	3.458.283.324	-	-	3.458.283.324
<i>Phải thu lãi tiền gửi</i>	-	<i>40.306.850</i>	-	-	<i>40.306.850</i>
<i>Phải thu lãi trái phiếu niêm yết</i>	-	<i>554.358.940</i>	-	-	<i>554.358.940</i>
<i>Phải thu lãi trái phiếu chưa niêm yết</i>	-	<i>283.904.110</i>	-	-	<i>283.904.110</i>
<i>Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi</i>	-	<i>2.579.713.424</i>	-	-	<i>2.579.713.424</i>
	42.062.114.059	18.458.283.326	72.683.933.841	-	133.204.331.226
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH					
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	167.968.023	-	-	167.968.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	1.372.879	-	-	1.372.879
Phải trả nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	2.713.837.131	-	-	2.713.837.131
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	214.969.455	-	-	214.969.455
Chi phí phải trả	-	83.367.781	-	-	83.367.781
	-	3.181.515.269	-	-	3.181.515.269

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Giai đoạn tài chính từ 07/02/2020 đến 31/12/2020
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,48%	0,55%
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,23%	0,51%
3	Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,39%	0,61%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,07%	0,16%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ bảo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,01%	0,06%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1,18%	1,89%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	63,58%	77,07%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (theo mệnh giá) (VND) Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (chứng chỉ quỹ)	62.044.598.100 6.204.459,81	50.100.000.000 5.010.000
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (chứng chỉ quỹ) Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND) Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (chứng chỉ quỹ) Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	10.090.493,39 100.904.933.900 (5.020.027,21) (50.200.272.100)	2.053.638,71 20.536.387.100 (859.178,90) (8.591.789.000)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ theo mệnh giá (VND) Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (chứng chỉ quỹ)	112.749.259.900 11.274.925,99	62.044.598.100 6.204.459,81
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	40,61%	72,66%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	96,74%	99,67%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	0,00%	0,00%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	201	112
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	11.532,03	10.679,48

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam



Ông Nguyễn Thời Đại
Kế toán Trưởng



Ông Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

